

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

QUÝ III NĂM 2019

STT	CHỈ TIÊU	Mã	THUYẾT	QUÝ III/2018	QUÝ III/2019	CHÊNH LỆCH	%
		số	MINH				
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	184.157.581.985	192.735.014.436	8.577.432.451	104,66
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	-		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 10 - 01 )	10		184.157.581.985	192.735.014.436	8.577.432.451	104,66
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	132.731.886.105	167.244.814.652	34.512.928.547	126,00
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		51.425.695.880	25.490.199.784	(25.935.496.096)	49,57
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	15.633.497.170	13.494.870.412	(2.138.626.758)	86,32
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	1.136.352.099	1.278.526.211	142.174.112	112,51
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		155.160.366	1.195.491.053	1.040.330.687	770,49
8	Chi phí bán hàng	24		1.375.035.616	1.273.168.857	(101.866.759)	92,59
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.817.800.864	12.746.211.551	928.410.687	107,86
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 ) }	30		52.730.004.471	23.687.163.577	(29.042.840.894)	44,92
	Thu nhập khác	31		2.704.794.194	5.116.631.827	2.411.837.633	189,17
11	Chi phí khác	32		2.106.295.930	2.723.646.095	617.350.165	129,31
12	Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		598.498.264	2.392.985.732	1.794.487.468	399,83
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		53.328.502.735	26.080.149.309	(27.248.353.426)	48,90
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.264.649.543	4.082.810.822	(4.181.838.721)	49,40
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30			-	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60	VI.30	45.063.853.192	21.997.338.487	(23.066.514.705)	48,81
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.123	548		
18	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.123	548		

**Giải Trình:**

Trong Quý III/2018: Sản lượng tiêu thụ là 4.500,61 tấn; Giá bán bình quân: 32.666.642 VND/tấn.

Trong Quý III/2019: Sản lượng tiêu thụ là 5.514,41 tấn; Giá bán bình quân: 33.527.561 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ Quý III/2019 cao hơn Quý III/2018. và giá bán bình quân cao hơn Quý III/2018.

(giá bán bình quân Quý III/2019 tăng : 860.919 VND/tấn hay tăng 2,64% so với Quý III/2018)

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Quý III/2019 giảm: 29.042.840.894 VND hay giảm 55,08% so với Quý III/2018. (do doanh thu cây cao su thanh lý quý III/ 2019 giảm so với quý III/2018)

+ Lợi nhuận khác Quý III/2019 tăng : 1.794.487.468 VND hay tăng 299,83% so với Quý III/2018

Do đó, lợi nhuận sau thuế Quý III/2019 giảm: 23.066.514.704 VND hay giảm 51,19% so với Quý III/2018.

Người lập biểu

*Huong*

VÕ DUY HƯỚNG

Kế Toán Trưởng

*Huy*

Phạm Ngọc Huy

Ngày 24 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám Đốc



Hồ Cường